TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 240/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 08 - 5 - 2023
V/v: TrA chấp "*ly hôn, nuôi con chung*"

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hồ Ngọc Luân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Minh Tuấn
2. Ông Hà Bửu Khánh

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 654/2022/TLST - HNGĐ, ngày 27 tháng 10 năm 2022 về trA chấp "*Ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2023/QĐXX-ST, ngày 03 tháng 4 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Đinh Thị M, sinh năm: 1987; địa chỉ: ấp VB, xã NT, huyện GR, tỉnh KG (có mặt).

2. Bị đơn: A Đỗ Tuấn A, sinh năm: 1987; địa chỉ: ấp NT, xã NC, huyện GR, tỉnh KG (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/9/2022 nguyên đơn là chị Đinh Thị M trình bày:

Chị và chồng là A Đỗ Tuấn A tự quen biết nhau và tổ chức lễ cưới vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc Thuận, huyện Giồng Riềng,

tỉnh Kiên Giang vào ngày 26/5/2020. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 03 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp tánh tình, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hằng ngày. A, chị đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2021 cho đến nay. Về con chung A, chị chung sống có 02 người con chung là Đinh Tuấn K, sinh ngày 03/4/2018 và Đinh Tuấn K1, sinh ngày 27/5/2020. Chị M khởi kiện yêu cầu giải quyết cho ly hôn với A Tuấn A, yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu Tuấn A cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung: Không có.

Bị đơn A Đỗ Tuấn A đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, các thủ tục tố tụng nhưng không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải và được triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, không rõ lí do.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân đề nghị cho chị M và A Tuấn A ly hôn; về con chung giao 02 con chung cho chị M chăm sóc nuôi dưỡng, chị M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét; về nợ chung và tài sản chung do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả trA luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Đinh Thị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với A Đỗ Tuấn A theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). A Tuấn A với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp NT, xã NC, huyện GR, tỉnh KG nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

A Tuấn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt A Tuấn A theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị M và A Tuấn A kết hôn vào năm 2018 và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc Thuận, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang vào năm 2020 nên hôn nhân của A, chị là hợp pháp. Xét thấy, vợ chồng A chị đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay, từ đó cho đến nay hai bên không quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị M yêu cầu được ly hôn với A Tuấn A là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị M, A Tuấn A chung sống có 02 người con chung là Đinh Tuấn K, sinh ngày 03/4/2018 và Đinh Tuấn K1, sinh ngày 27/5/2020, chị M yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu A Tuấn A cấp dưỡng nuôi con. HĐXX xét thấy từ khi ly thân đến nay thì cháu Tuấn K và cháu Tuấn K1 sống chung với chị M, A Tuấn A đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến đối với yêu cầu của chị M, để giữ ổn định cuộc sống của các cháu nên HĐXX thống nhất giao cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung. Chị M không yêu cầu A Tuấn A cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Chị M xác định không có nên HĐXX không xem xét.

[6]. Về án phí: Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 56, Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Đinh Thị M được ly hôn với A Đỗ Tuấn A.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Tuấn K, sinh ngày 03/4/2018 và Đỗ Tuấn K1, sinh ngày 27/5/2020 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

A Tuấn A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003190 ngày 27/10/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Giồng Riềng;
- Cơ quan thực hiện việc Đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hồ Ngọc Luân